

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

VỀ VẤN ĐỀ ĐẢNG VIÊN LÀM KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN

NGUYỄN NGỌC HÀ (*)

Mgay từ khi Đảng ta bắt đầu tiến hành sự nghiệp đổi mới, nhiều đảng viên đã hăng hái tham gia làm kinh tế tư bản tư nhân ở những mức độ khác nhau và với những hình thức khác nhau. Trên thực tế, những đảng viên tham gia làm kinh tế tư bản tư nhân "đã có những đóng góp nhất định vào sự phát triển của đất nước, làm tăng thêm nguồn của cải của xã hội và tạo ra một khối lượng công ăn việc làm nhất định, giúp giải quyết khó khăn cho những người đang cần có việc làm, nhất là lực lượng lao động trẻ", "các cơ sở kinh tế tư nhân do các đảng viên làm chủ đã thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật, đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ, làm rất tốt các công tác xã hội. *Tính nhân văn* của các cơ sở này cao hơn hẳn nhiều cơ sở kinh tế tư nhân không phải do đảng viên làm chủ"(1).

Đảng viên tham gia làm kinh tế tư bản tư nhân là hoàn toàn phù hợp với quy định của Đảng; bởi vì, theo tinh thần của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, "những đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp tư nhân chấp hành tốt Điều lệ của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, được đảng

viên và quần chúng tại doanh nghiệp và nơi cư trú tín nhiệm, có nguyện vọng tiếp tục đứng trong hàng ngũ của Đảng thì vẫn là đảng viên của Đảng"(2).

Việc Đảng ta công nhận tư cách đảng viên của những đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân khi họ "chấp hành tốt Điều lệ của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, được đảng viên và quần chúng tại doanh nghiệp và nơi cư trú tín nhiệm, có nguyện vọng tiếp tục đứng trong hàng ngũ của Đảng" đồng nghĩa với việc Đảng ta cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân(**).

(*)Tiến sĩ triết học, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo, Viện Triết học.

(1) Nguyễn Trọng Chuẩn. *Kinh tế tư nhân và vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân trong điều kiện nước ta hiện nay*. Tạp chí Triết học, số 9, 2002, tr.7.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.44-45.

(**) Trong các quy định hiện hành của Đảng ta về những việc đảng viên được làm và không được làm, không có câu "đảng viên được làm kinh tế tư bản tư nhân", nhưng cũng không có câu "đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân"; hơn nữa, trong số những đảng viên đã làm kinh tế tư bản tư nhân không có đảng viên nào bị khai trừ ra khỏi Đảng vì lý do làm kinh tế tư bản tư nhân. Vì thế, theo ý kiến chúng tôi, chúng ta cần ủng hộ việc Đảng ta cho phép đảng viên được làm kinh tế tư bản tư nhân.

Cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân chẳng qua là cho phép đảng viên bỏ vốn của mình (nếu có) để sản xuất, kinh doanh và qua đó, hưởng lợi nhuận. Nếu không cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì chúng ta chẳng những không thu hút được nguồn vốn từ đảng viên, mà còn làm cho những người ngoài Đảng không háng hái bỏ vốn đầu tư để sản xuất, kinh doanh và như vậy, có thể kìm hãm sự phát triển kinh tế. Không cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân cũng có thể kìm hãm sự phát triển của Đảng, vì một số người không muốn vào Đảng để được tự do làm kinh tế tư bản tư nhân, hoặc vào Đảng nhưng lại lén lút làm kinh tế tư bản tư nhân. Chủ trương cho phép đảng viên tham gia làm kinh tế tư bản tư nhân chẳng những thúc đẩy sự phát triển kinh tế, mà còn tăng cường sức mạnh của Đảng; vì thế, đó là chủ trương hoàn toàn đúng đắn. Thế nhưng, hiện vẫn còn một số ý kiến khác nhau trong việc giải thích về tính đúng đắn của chủ trương này. Trong số đó, đáng chú ý có ba ý kiến sau đây.

Ý kiến thứ nhất cho rằng, cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là cho phép đảng viên bóc lột; song vì sự phát triển kinh tế, nên chúng ta phải chấp nhận để đảng viên bóc lột.

Ý kiến thứ hai cho rằng, cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân không phải là cho phép đảng viên bóc lột; tuy nhiên, cần phải thay đổi quan điểm của C.Mác về nguyên nhân sinh ra giá trị thặng dư. Lập luận của những người có ý kiến này là: Nếu theo quan điểm của C. Mác, thì "chỉ có sức lao động của công nhân mà nhà tư bản bỏ vốn ra mua mới

tạo ra giá trị mới ($v + m$), trong đó có lợi nhuận (m) và vì thế mà mọi phần vốn này là tư bản khả biến. Còn phần vốn của nhà tư bản bỏ ra xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu thì không hề tạo ra một chút giá trị mới nào, nó là tư bản bất biến (c), chỉ được chuyển nguyên xi từng phần vào tổng giá trị sản phẩm ($c + v + m$) thôi"; song "việc sinh lời không chỉ có một con đường duy nhất là sử dụng lao động sống của người lao động làm thuê. Việc sinh lời còn có thể do gửi tiền vào ngân hàng đem lại", "không phải chỉ có lao động sống, mà cả lao động vật hoá và điều kiện tự nhiên cũng tham gia vào việc tạo ra và làm tăng giá trị thặng dư"(3).

Lập luận trên cho thấy, cả C. Mác và tác giả lập luận đều dựa vào công thức của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là ($c + v + m$); trong đó c là giá trị của vốn mà nhà tư bản (= người làm kinh tế tư bản tư nhân) bỏ ra, v là giá trị của sức lao động mà người công nhân (= người lao động làm thuê) bỏ ra, m là giá trị thặng dư. Tuy nhiên, theo quan điểm của C. Mác, người công nhân làm ra toàn bộ giá trị thặng dư và không được hưởng toàn bộ giá trị thặng dư làm ra; sự phân chia như vậy là không công bằng, vì người công nhân làm ra nhiều nhưng được hưởng ít, người công nhân là người bị bóc lột, người làm kinh tế tư bản tư nhân là người bóc lột. Còn theo ý kiến của người lập luận thì người công nhân chỉ làm ra một phần giá trị thặng dư (phần còn lại được làm ra bởi

(3) Nguyễn Huy, "Bóc lột" và hướng giải quyết "vấn đề bóc lột" trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạp chí Triết học, số 12, 2002, tr.51, 52.

"lao động vật hoá, điều kiện tự nhiên" và cả bởi "ngân hàng") và được hưởng phần giá trị thặng dư làm ra ấy (người làm kinh tế tư bản tư nhân được hưởng phần còn lại); sự phân chia như vậy là công bằng, vì người công nhân làm ra bao nhiêu đã được hưởng bấy nhiêu, người công nhân không phải là người bị bóc lột, người làm kinh tế tư bản tư nhân không phải là người bóc lột.

Ý kiến thứ ba cho rằng, cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân không phải là cho phép đảng viên bóc lột và cũng không phải là phủ nhận quan điểm của C. Mác về nguyên nhân sinh ra giá trị thặng dư. Bóc lột là bất công, nếu bất công được xoá bỏ thì bóc lột cũng không còn. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thời kỳ mà ở đó còn kinh tế tư bản tư nhân, cũng tức thời kỳ còn tình trạng người công nhân làm ra toàn bộ giá trị thặng dư nhưng không được hưởng toàn bộ giá trị thặng dư, chúng ta không những có thể, mà còn cần phải xoá bỏ bất công, xoá bỏ bóc lột.

Trong ba ý kiến trên đây, chân lý thuộc về ý kiến nào? Theo chúng tôi, chúng ta không thể khẳng định rằng, cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là cho phép đảng viên bóc lột, bởi bóc lột là một việc làm phi đạo đức, bị dư luận xã hội lên án và Đảng ta cũng không bao giờ cho phép đảng viên của mình được làm một việc phi đạo đức như vậy. Chúng ta cũng không thể phủ nhận quan điểm của C. Mác về nguyên nhân sinh ra giá trị thặng dư; bởi sự đúng đắn của quan điểm này đã được C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin chứng minh rõ ràng trong nhiều tác phẩm của mình, trong khi đó thì những người phủ nhận quan điểm ấy lại không

đưa ra được một luận cứ có sức thuyết phục nào. Chân lý ở đây thuộc về ý kiến thứ ba. Đường nhiên, khi đồng ý với ý kiến thứ ba này, chúng ta cần phải thay đổi quan niệm (phải có một cách nhìn khác hơn) về bóc lột.

Vậy, bóc lột cần được quan niệm như thế nào, hay nói cụ thể hơn, người như thế nào là người bóc lột và ngược lại, người như thế nào là người bị bóc lột? Về câu hỏi này, đang có hai quan niệm khác nhau sau đây.

Theo quan niệm thứ nhất, người không làm mà có hưởng (hoặc làm ít mà hưởng nhiều) là người bóc lột và ngược lại, người có làm mà không hưởng (hoặc làm nhiều mà hưởng ít) là người bị bóc lột. Tác giả của "Chủ nghĩa cộng sản khoa học. Từ điển" là người ủng hộ quan niệm này khi viết: "Bóc lột" là "việc một số giai cấp và nhóm xã hội chiếm không sản phẩm lao động của những giai cấp khác", "nếu trong chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến, sự bóc lột được thực hiện trong điều kiện kinh tế tự nhiên, thì dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, sự bóc lột được thực hiện trong điều kiện quan hệ hàng hoá - tiền tệ. Bọn tư bản bóc lột công nhân không phải bằng thủ đoạn cưỡng bức phi kinh tế, mà bằng con đường mua của họ loại hàng hoá đặc biệt - sức lao động; trong quá trình tiêu dùng hàng hoá này, nghĩa là trong quá trình lao động, lượng giá trị sản xuất ra lớn hơn giá trị của bản thân sức lao động. Giá trị mới do lao động của công nhân tạo ra được phân thành giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết cho người công nhân (giá trị này, người công nhân được hưởng dưới hình thức tiền công) và giá trị

thặng dư mà nhà tư bản chiếm đoạt. Tỷ số giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến (vật ngang giá với giá trị sức lao động), hay tỷ số giữa lao động thặng dư tạo ra giá trị thặng dư và lao động cần thiết tạo ra giá trị các tư liệu cần thiết cho công nhân, - tỷ số đó nói lên mức độ bóc lột giai cấp công nhân mà Mác gọi là tỷ suất giá trị thặng dư"(4).

Theo quan niệm thứ hai, người không cống hiến mà có hưởng (hoặc cống hiến ít mà hưởng nhiều) là người bóc lột và ngược lại, người có cống hiến mà không hưởng (hoặc cống hiến nhiều mà hưởng ít) là người bị bóc lột. "Cống hiến" và "làm" là hai khái niệm khác nhau. Làm là cống hiến nhưng không phải cống hiến nào cũng là làm. Cống hiến có hai loại: cống hiến vốn và cống hiến sức lao động. Cống hiến của những người đã hy sinh xương máu cho sự nghiệp chung, cống hiến của những người quản lý, của những nhà khoa học, của những nhà văn hóa là cống hiến sức lao động. Làm là sự cống hiến sức lao động. Một người dù không có cống hiến sức lao động (không làm), nhưng có cống hiến vốn và được hưởng một khoản thu nhập nào đó thì có thể vẫn không phải là người bóc lột. Nếu sử dụng công thức $(c + v + m)$ của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì người làm kinh tế tư bản tư nhân là người có cống hiến vốn (c) mà không có cống hiến sức lao động, người công nhân là người có cống hiến sức lao động (v) mà không có cống hiến vốn. Người làm kinh tế tư bản tư nhân tuy được hưởng một phần trong giá trị thặng dư (m) do người

công nhân làm ra nhưng có thể không phải là người bóc lột. Người công nhân tuy chỉ được hưởng một phần trong toàn bộ giá trị thặng dư do mình làm ra nhưng có thể không phải là người bị bóc lột. Sự phân chia giá trị thặng dư (một phần cho người làm kinh tế tư bản tư nhân và một phần cho người công nhân) theo tỷ lệ như thế nào để không ai bóc lột ai, điều đó phụ thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể.

Nếu cho rằng, người không làm mà có hưởng là người bóc lột (theo quan niệm thứ nhất nói ở trên) thì chúng ta phải thừa nhận điều mà chúng ta không muốn là, cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là cho phép đảng viên bóc lột. Nhưng nếu cho rằng, người không cống hiến mà có hưởng là người bóc lột (theo quan niệm thứ hai nói ở trên) thì chúng ta phải công nhận việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân không phải là cho phép đảng viên bóc lột.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đổi mới, chúng ta quan niệm rằng người không làm mà có hưởng là người bóc lột. Vì quan niệm như vậy nên chúng ta mới chủ trương thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động (không làm không hưởng, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít) để xoá bỏ bóc lột. Nhưng việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động đã kìm hãm sự phát triển của sản xuất vì nhiều nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân không được huy động. Trong thời kỳ đổi mới, chúng ta

(4) A.M.Rumiantxép (chủ biên). *Chủ nghĩa cộng sản khoa học. Từ điển*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.12-13.

phải thay thế nguyên tắc phân phối theo lao động bằng nguyên tắc phân phối theo cống hiến (không cống hiến không hưởng, cống hiến nhiều hưởng nhiều, cống hiến ít hưởng ít). Nguyên tắc phân phối tuy thay đổi, nhưng mục tiêu xóa bỏ bóc lột thì không thay đổi. Thực hiện nguyên tắc phân phối theo cống hiến không phải là từ bỏ mục tiêu xóa bỏ bóc lột, mà chính là để thực hiện mục tiêu ấy. Tuy nhiên, để thừa nhận điều đó, chúng ta phải quan niệm rằng người không cống hiến mà có hưởng là người bóc lột.

Bóc lột là hành vi phi đạo đức, cần phải bị lên án. Ngay nhiều người bóc lột cũng lên án sự bóc lột và không dám thừa nhận mình là người bóc lột. Tuy nhiên, bóc lột, giống như bất công, là một phạm trù lịch sử. Một hành vi trong điều kiện lịch sử cụ thể này bị coi là bóc lột, nhưng trong điều kiện lịch sử cụ thể khác lại có thể không bị coi là bóc lột. Để xác định một hành vi nào đó có phải là bóc lột hay không, chúng ta phải xem hành vi ấy có tác dụng thúc đẩy sự phát triển xã hội hay không, nhưng muốn biết một hành vi nào đó có tác dụng thúc đẩy sự phát triển xã hội hay không, chúng ta lại phải căn cứ vào điều kiện lịch sử cụ thể của hành vi ấy. Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, sự phân chia giá trị thặng dư có thể làm cho "cả chủ và thợ đều có lợi" (chủ là người làm kinh tế tư bản tư nhân, thợ là người công nhân), có thể có tác dụng thúc đẩy sự phát triển xã hội, vì thế, chúng ta cần phải công nhận rằng, người làm kinh tế tư bản tư nhân dù được hưởng một phần giá trị thặng dư không phải do mình làm ra vẫn

không phải là người bóc lột; cụ thể hơn, cần phải quan niệm rằng, người không cống hiến mà có hưởng là người bóc lột.

Quan niệm người không cống hiến mà có hưởng là người bóc lột không phải không thể thay đổi. Trong tương lai, khi xã hội không cần thu hút vốn từ các cá nhân nữa (cũng tức là khi thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội kết thúc, chủ nghĩa xã hội được hình thành), nguyên tắc phân phối theo cống hiến sẽ được thay bằng nguyên tắc phân phối theo lao động. Lúc này, việc cho phép không làm mà có hưởng sẽ cản trở sự phát triển xã hội và do đó, chúng ta lại phải quan niệm người không làm mà có hưởng là người bóc lột. Nhưng chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, rồi cũng sẽ nhường chỗ cho chủ nghĩa cộng sản (giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa), nguyên tắc phân phối theo lao động rồi cũng sẽ được thay bằng nguyên tắc phân phối theo nhu cầu. Đến lúc này, câu hỏi "người như thế nào là người bóc lột" sẽ không còn được đặt ra nữa, vì không còn sự tranh giành tư liệu sinh hoạt giữa người và người.

Tóm lại, việc trả lời câu hỏi "người như thế nào là người bóc lột" phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Trong điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể hiện nay, chúng ta cần phải quan niệm rằng, người không cống hiến về sức lao động (bao gồm cả cống hiến về xương máu và chất xám) và về vốn mà có hưởng là người bóc lột, và chỉ có quan niệm như vậy chúng ta mới giải thích đúng đắn chủ trương đúng đắn của Đảng ta cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân. □